TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 04 - 01- 2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2023/TLST–DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2023 và giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B - B đường N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Sĩ K – Nhân viên quản lý nợ. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2023 (Có mặt)

Địa chỉ số C T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 2002 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn Nguyễn Sĩ K trình bày:

Ngày 15/11/2022 bà Nguyễn Thị Bé B có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấ thẻ tín dụng và bảng điều khoản và điều kiện hát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng H sử dụng là 25.000.000 đồng với mục

đích tiêu dùng cá nhân cụ thể là loại thẻ Visa lãi suất á dụng 2,6%/tháng, 31,2%/năm. Sau khi được cấ thẻ tín dụng bà Nguyễn Thị Bé B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, lái được tính trên từng giao dịch hát sinh trên từng ngày và theo lãi suất ngân hàng á dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện hát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Bà Nguyễn Thị Bé B hải chịu các khoản hí theo quy định tại Điều 25 của Bản điều khoản và điều kiện hát hành thẻ tín dụng của ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị Bé B đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 500.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán á dụng theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện hát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Bé B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Bé B vi hạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tại thời điểm hiện tại là ngày 04/01/2024 là 40.587.048 đồng trong đó nợ gốc là 29.581.720 đồng và nợ lãi quá hạn là 11.005.328 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi cho ngân hàng nay ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bé B có trách nhiệ trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 04/01/2024 là Do Ngân hàng là 40.587.048 đồng trong đó nợ gốc là 29.581.720 đồng và nợ lãi quá hạn là 11.005.328 đồng. và tiền lãi hát sinh từ ngày 05/01/2024 cho đến khi bà B1 Bo thanh toán hết nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong hợ đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé B.

- Về nội dung vụ án:

[2] Căn cứ giấy đề nghị kiêm hợ đồng cấ thẻ tín dụng ngày 15/11/2022; điều khoản và điều kiện hát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng S thì chị Nguyễn Thị Bé B có ký với ngân hàng hợ đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức là 25.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng, 31.2%/năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ chị Nguyễn Thị Bé B đã thực hiện các giao dịch với số tiền tiền là 25.000.000 đồng và có thanh toán được số tiền 500.000 đồng số tiền này được thanh toán dựa trên Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện hát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qúa trình sử dụng thẻ chị B đã vi hạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến ngày 04/01/2024 chị Bé B không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ngân hàng yêu cầu chị Bé B thanh toán khoản nợ quá hạn tính đến ngày 04/01/2014 (ngày xét xử sơ thẩm) với số tiền là 40.587.048 đồng (trong đó nợ gốc là 29.581.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.005.328 đồng).

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Bé B có thỏa thuận ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 25.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế, sau khi ký kết hợp đồng chị Bé B đã thực hiện các giao dịch với số tiền 25.000.000 đồng. Qúa trình sử dụng thẻ thì chị B chỉ thanh toán cho ngân hàng 500.000 đồng. Tính đến ngày 11/4/2023 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, chị Bé B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP S theo như thỏa thuận về phương thức trả nợ mà hai bên đã ký kết nên việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi còn nợ tính đến ngày 04/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 40.587.048 đồng (trong đó nợ gốc là 29.581.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.005.328 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/01/2024 đến ngày thanh toán hết nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N ban hành và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé B phải chịu 2.029.352 đồng (làm tròn số 2.029.400 đồng) tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 833.500 đồng theo biên lai thu số 0011072 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B trả nợ vay cho Ngân hàng.

2/ Buộc chị Nguyễn Thị Bé B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 40.587.048 đồng (trong đó nợ gốc là 29.581.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.005.328 đồng)

Kể từ ngày 05/01/20234 cho đến khi chị Nguyễn Thị Bé B thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 2392240 ngày 15/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1)với chị Nguyễn Thị Bé B.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bé B phải chịu 2.029.400 đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 833.500 đồng theo biên lai thu số 0011072 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh